

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2025/DS-PT
Ngày: 03 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 403/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B (viết tắt là Công ty B); địa chỉ: LK 30-47, đường D, Khu đô thị A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 114, đường Số 1, Khu dân cư T, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2023). (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần X, địa chỉ: Số 54, đường B, Khu dân cư M, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Quang N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 106, đường N, phường K, thành phố Cần Thơ (có mặt) và ông Lê Minh

Q, sinh năm 1983; địa chỉ: E2 - 26, Khu vực T, phường , thành phố Cần Thơ (vắng mặt). (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2026).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Thanh Ā, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; địa chỉ: Số 106, N, phường T, quận K, thành phố Cần Thơ (nay là phường K, thành phố Cần Thơ). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S), địa chỉ: Số 77, phố T, phường H, quận K, Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng S: Công ty cổ phần đầu tư K, địa chỉ: Số 488 – 490, LL, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư K: Ông Chĩa Quốc T (có mặt), ông Dương Sầm Sơn A (vắng mặt), ông Dương Văn Yên L (vắng mặt); cùng địa chỉ: Số 02, đường T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2025).

- *Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị G, địa chỉ: Số 54, đường B, Khu dân cư M, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần X, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trung H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2020, ông Võ Chí F là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B có quen biết với anh Phạm Bình Z và anh Phạm Nguyễn Minh U, sau đó ông U và ông Z mới giới thiệu cho ông Phạm Nguyễn Minh Ā đang làm Phó giám đốc tại Ngân hàng S - Chi nhánh X, thì lúc này ông Ā nói ông có cổ phần tại Công ty cổ phần X, ông mới yêu cầu Công ty của ông Võ Chí F là Công ty B đứng ra vay tại Ngân hàng S - Chi nhánh X với số tiền là 5.000.000.000 đồng rồi cho ông Ā và Công ty cổ phần X vay lại với số tiền là 5.000.000.000 đồng để kinh doanh và chuyển vào tài khoản 1006346699 là số tài khoản của Công ty cổ phần X.

Công ty B đã chuyển vào tài khoản số 1006346699 của Công ty cổ phần X với số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn mà Công ty ông Võ Chí F cho vay là 02 tháng trở lại, thì ông Ā và Công ty cổ phần X phải trả lại cho Công ty B cả vốn và lãi suất, mà lãi suất vay tính theo lãi suất Ngân hàng S - Chi nhánh X cho Công ty B đã vay, nhưng đến nay đã hơn 03 năm theo giấy xác nhận chuyển tiền là ngày

19/05/2020 mà ông Á và Công ty cổ phần X vẫn không thanh toán cho Công ty B, chỉ đóng lãi cho Ngân hàng S - Chi nhánh X được 02 lần và ngưng cho đến nay.

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/. Ông Phạm Nguyễn Minh Á và Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

2/. Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B yêu cầu ông Phạm Nguyễn Minh Á và Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B số tiền lãi tạm tính từ ngày Khế ước nhận nợ ngày 19/5/2020 đến ngày khởi kiện tạm tính là 03 năm như sau: $5.000.000.000 \text{ đồng} \times 12,1\%/năm \times 03 \text{ năm} = 1.815.000.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng).

3/. Tổng gốc và lãi ông Phạm Nguyễn Minh Á và Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B là 5.000.000.000 đồng + 1.815.000.000 đồng = 6.815.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng).

4/. Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B còn yêu cầu ông Phạm Nguyễn Minh Á và Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B phần lãi suất theo Ngân hàng S - Chi nhánh X đến khi nào thanh toán xong khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Phía nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Nguyễn Minh Á, nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc Công ty cổ phần X phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B số tiền vốn và lãi theo đơn khởi kiện là 6.815.000.000 đồng và Công ty cổ phần X phải chịu tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước cho đến khi thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu.

- Ông Trần Tuấn P là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông P muốn ông Phạm Nguyễn Minh Á phải có mặt để làm rõ nội dung số tiền này. Vì chính ông Á là người điện thoại thông báo cho ông M là Giám đốc Công ty cổ phần X, vào ngày 19/5/2020 Công ty cổ phần X có nhận được nguồn tiền 5.000.000.000 đồng là từ Ngân hàng TMCP S thông qua ông Phạm Nguyễn Minh Á, vì lúc đó ông Á đang là Phó Giám đốc Ngân hàng S chứ không phải nhận từ phía nguyên đơn Công ty B chuyển đến. Trước khi chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần X do ông M làm Tổng Giám đốc thì ông Á có điện thoại thông báo cho ông M biết và yêu cầu ông M phải phát hành uỷ nhiệm chi.

Ông Á mượn tài khoản của ông M để chuyển tiền cho Công ty cổ phần xây dựng và Thương mại Đ (viết tắt là Công ty Đ), có Giám đốc là ông Phạm Nguyễn Minh U (là em ruột của ông Phạm Nguyễn Minh Á) chứ Công ty cổ phần X không có giao dịch gì với Công ty B. Cùng ngày 19/5/2020 thì Công ty cổ phần X có uỷ nhiệm chi cho đơn vị nhận tiền là Công ty Đ số tiền là 4.200.000.000 đồng; ngày 20/5/2020 thì Công ty cổ phần X có uỷ nhiệm chi cho đơn vị nhận tiền là Công ty Đ số tiền là 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại 500.000.000 đồng thì ông Phạm Nguyễn Minh U đã lên Công ty cổ phần X nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Như vậy, hiện

nay Công ty cổ phần X không có giữ số tiền 5.000.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Phía nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn vay số tiền 5.000.000.000 đồng là không có cơ sở, bởi vì nếu cho vay thì tại sao nguyên đơn không tính lãi đây là số tiền lớn với lại nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là nguyên đơn cho bị đơn vay tiền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư K, có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Đình Mùi, ông Trần Văn Hà trình bày:

Ngày 19/5/2020, giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh X có ký Hợp đồng cấp tín dụng số 199/2020/HĐHM-PN/SHB.131300 với Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B để vay số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng (từ ngày 19/5/2020 đến ngày 19/5/2021). Thời hạn của khoản vay: Thời hạn của mỗi khoản vay trong hợp đồng tín dụng được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng. Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể tại từng kế ước nhận nợ. Lãi chậm trả: Trường hợp bên vay không thanh toán lãi trong hạn đúng hạn, thì bên vay phải trả lãi chậm trả cho bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả theo quy định của bên cho vay tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm (được tính trên số dư nợ lãi trong hạn chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả). Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Ngày 19/5/2020, Ngân hàng S đã thực hiện giải ngân đồng thời Công ty B đã ký Khế ước nhận nợ số 01- 199/2020/HĐHM-PN/SHB.131300 với số tiền nhận nợ là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Lãi suất cho vay: 12,1%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất KHCN của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) Biên độ cho vay là 4,3%/năm. Phương thức giải ngân: Bằng chuyển khoản số tiền 5.000.000.000 đồng cho người thụ hưởng là Công ty cổ phần X - Tài khoản số 1006346699 tại Chi nhánh X. Lịch trả nợ: Trả gốc cuối kỳ; lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng S, ông Phạm Nguyễn Minh U và Công ty B ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 199/2020/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 19/5/2020, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại Khóm N, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do ông Phạm Nguyễn Minh U đứng tên sử dụng. Đến tháng 4/2021, Công ty B không trả được dứt nợ cho Ngân hàng S. Người đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại Khóm N, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là ông Phạm Nguyễn Minh U tự nguyện bàn giao cho Ngân hàng S để xử lý, thu hồi nợ. Tại phiên đấu giá ngày 24/5/2021, Công ty Đấu giá hợp danh Y đã tổ chức bán đấu giá thành công, Ngân hàng S đã hạch toán thu nợ. Sau khi xử lý xong tài sản thế chấp, Ngân hàng S hạch toán thu nợ, nhưng

số tiền thu nợ không đủ để tất toán khoản vay. Từ đó đến nay, Công ty B cũng không tiếp tục trả nợ.

Ngày 15/11/2021, Ngân hàng S đã bán khoản nợ của khách hàng là Công ty B cho Công ty cổ phần đầu tư K. Do đó, Công ty cổ phần đầu tư K có đơn yêu Tòa án giải quyết buộc Công ty B trả cho Công ty cổ phần đầu tư K tổng số tiền còn lại theo Hợp đồng cấp tín dụng số 199/2020/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 19/5/2020 giữa Ngân hàng S và Công ty B số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2025, tổng số tiền vốn và lãi 2.693.657.942 đồng (trong đó, số tiền vốn vay 1.020.120.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 189.140.549 đồng; lãi quá hạn là 1.484.397.393 đồng).

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cũ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, 4 Điều 74; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 201; khoản 1 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung); căn cứ khoản 2, 6 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần X trả số tiền vốn, lãi là 7.855.263.888 đồng (trong đó, tiền vốn là 5.000.000.000 đồng, tiền lãi là 2.855.263.888 đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty cổ phần đầu tư K. Buộc nguyên đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B trả cho Ngân hàng TMCP S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty cổ phần đầu tư K tổng số tiền vốn và lãi 2.693.657.942 đồng (trong đó, số tiền vốn vay 1.020.120.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 189.140.549 đồng, lãi quá hạn là 1.484.397.393 đồng).

Kể từ ngày 25/4/2025, Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty cổ phần đầu tư K cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty cổ phần đầu tư K.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 08/5/2025, bị đơn Công ty cổ phần X có đơn kháng cáo và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án

dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc tạm đình chỉ để đưa ông Phạm Nguyễn Minh Á và ông Phạm Nguyễn Minh U cùng Công ty Đ vào tham gia tố tụng giải quyết chung vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H không rút đơn khởi kiện và cho rằng: Công ty B cho bị đơn vay, lúc này người đại diện theo pháp luật là bà Hương, sau đó đăng ký kinh doanh lại thì ông F là người đại diện theo pháp luật của công ty, do ông F nhận chuyển nhượng toàn bộ Công ty B kể cả quyền và nghĩa vụ; sau đó ông F là chủ doanh nghiệp nên được thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kể cả quyền khởi kiện đòi nợ; khi Công ty B vay tiền tại Ngân hàng rồi cho Công ty cổ phần X vay lại, nên yêu cầu Ngân hàng S chuyển thẳng vào tài khoản của Công ty cổ phần X. Còn đối với Hợp đồng kinh tế và Hợp đồng vay tiền là riêng biệt, không có liên quan. Do đó, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nhật không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Ngân hàng S chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần X là thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 05. Sau đó, Công ty cổ phần X biết được ông Á mượn số tài khoản để chuyển tiền, nên ông Á kêu ông M làm ủy nhiệm chi cho Công ty Đ và ông M đã ủy nhiệm chi 02 lần số tiền 4.500.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000.000 đồng thì ông Á nhận tiền mặt; việc ông Á mượn số tài khoản của Công ty cổ phần X là thông qua lời nói, qua điện thoại, không có làm văn bản và ông Á cũng không có văn bản yêu cầu ông M chuyển tiền cho bên thứ ba, nhưng số tiền 5.000.000.000 đồng không phải do bị đơn vay. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

+ Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S là ông Thắng cho rằng: Ngân hàng có cho nguyên đơn vay số tiền 5.000.000.000 đồng, tài sản thế chấp là tài sản của ông U, Ngân hàng giải ngân cho nguyên đơn, nhưng chuyển khoản cho Công ty cổ phần X theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có ý kiến tranh luận, có ý kiến đối đáp và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đúng, xác định sai tư cách tố tụng của ông Á, ông U, bà Triệu Thị Mỹ G và Công ty Đ, vì ông Á, ông U, bà Trang và Công ty Đ có liên quan đến số tiền 5.000.000.000 đồng, nhưng Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng làm mất quyền yêu cầu độc lập của bị đơn đối với những người này. Đồng thời, do không đưa những người này vào tham gia tố tụng và cũng không triệu tập họ để làm rõ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, dẫn đến không thể giải quyết triệt để tranh chấp phát sinh giữa các bên đương sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay là 5.000.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 19/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; còn Ngân hàng S yêu cầu Nguyên đơn trả số tiền đã vay còn nợ và tính lãi suất từ ngày 19/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng” là chưa hoàn toàn chính xác. Vì vậy, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) - gọi tắt là Bộ luật TTDS.

[2] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn Công ty B; bị đơn Công ty cổ phần X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng S và Tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng S vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa (riêng ông Lê Minh Q, ông Dương Sầm Sơn A và ông Dương Văn Yên L vắng mặt không rõ lý do); người làm chứng bà Huỳnh Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 5.000.000.000 đồng, thấy rằng: Nguyên đơn Công ty B yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần X trả số tiền vốn vay 5.000.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp bản sao có chứng thực Hợp đồng cấp hạn

mức tín dụng số: 199/2020/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 19/5/2020 và Khế ước nhận nợ cùng ngày, nguyên đơn Công ty B có vay của Ngân hàng S - Chi nhánh X số tiền là 5.000.000.000 đồng; Giấy báo nợ ngày 19/5/2020 và Giấy đề nghị giải ngân cùng ngày Công ty B có chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần X số tiền là 5.000.000.000 đồng được thể hiện theo bản chính “*Giấy báo nợ ngày 19/5/2020. Đơn vị trả tiền, tên tài khoản Công ty B, số tài khoản 1016238742. Đơn vị thụ hưởng, tên tài khoản Công ty cổ phần X, số tài khoản 1006346699. Tổng số tiền bằng số 5.000.000.000 đồng*”. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Tuấn P là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thừa nhận: Vào ngày 19/5/2020, Công ty cổ phần X có nhận được nguồn tiền 5.000.000.000 đồng là từ Ngân hàng S chuyển vào số tài khoản 1006346699 của Công ty cổ phần X. Như vậy, trên thực tế Công ty cổ phần X có nhận số tiền 5.000.000.000 đồng của Công ty B vay từ Ngân hàng S - Chi nhánh X, các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện. Xét thấy chủ thể, hình thức, nội dung của hợp đồng vay tài sản nêu trên được thực hiện đúng quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm Ông P cũng thừa nhận vào ngày 19/5/2020 Công ty cổ phần X có nhận được nguồn tiền 5.000.000.000 đồng là từ Ngân hàng S thông qua ông Phạm Nguyễn Minh Á, ông Á mượn tài khoản của ông M để chuyển tiền cho Công ty Đ, có Giám đốc là ông Phạm Nguyễn Minh U (là em ruột của ông Phạm Nguyễn Minh Á) chứ Công ty cổ phần X không có giao dịch gì với Công ty B, vì lúc đó ông Á đang là Phó Giám đốc Ngân hàng S chứ không phải nhận từ phía nguyên đơn Công ty B chuyển đến, nhưng Ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện số tiền 5.000.000.000 đồng là thông qua ông Á, cũng như việc ông Á mượn tài khoản của ông M để chuyển tiền cho Công ty Đ. Ông P cho rằng trước khi chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần X do ông M làm Tổng Giám đốc thì ông Á có thông báo bằng điện thoại cho ông M biết và yêu cầu ông M phải phát hành uỷ nhiệm chi, đó là một giao dịch khác giữa ông M và ông Á. Ngoài ra, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện thỏa thuận nào giữa Công ty B, Công ty cổ phần X với ông Á. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi, thấy rằng: Từ khi nhận số tiền 5.000.000.000 đồng đến nay phía bị đơn chỉ trả lãi được 02 lần; lần 1 vào ngày 02/7/2020 trả số tiền 60.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 04/8/2020 trả số tiền 49.810.000 đồng, từ ngày 05/8/2020 đến nay chưa trả. Nguyên đơn có cung cấp được: “*Giấy nộp tiền kiểm phiếu thu ngày 02/7/2020, số tiền 60.000.000 đồng và Giấy nộp tiền kiểm phiếu thu ngày 04/8/2020, số tiền 49.810.000 và Sổ phụ tài khoản tiền gửi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 từ Ngân hàng S*”. Thấy rằng, tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp phù hợp với diễn biến, thời gian và số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 19/5/2020. Mặc dù, tại văn bản tự khai ngày 20/8/2025 bà Trang không thừa nhận có nộp hai lần tiền lãi nêu trên, nhưng nếu không có nộp tiền

thì Ngân hàng S sẽ không có thông tin liên quan đến bà Trang. Mặt khác, hai phiếu thu tiền được in từ file lưu trên hệ thống của Ngân hàng vào ngày 24/6/2022 (không phải in ngày nộp tiền), nên không có chữ ký của các bên có liên quan. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ ngày 05/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/4/2025 (04 năm 08 tháng 19 ngày), với mức lãi suất là 12,1%/năm tương đương 1,008%/tháng trên số tiền vốn là 5.000.000.000 đồng, với số tiền lãi là 2.855.263.888 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3] Từ những nhận định như vừa nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền vốn và tiền lãi 7.855.263.888 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tạm đình chỉ để đưa ông Á và ông U cùng Công ty Đ vào tham gia tố tụng giải quyết chung vụ án. Xét thấy, quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có yêu cầu độc lập đối với ông Á và ông U cùng Công ty Đ. Đồng thời, bị đơn không chứng minh được là ông Á mượn số tài khoản của ông M để chuyển tiền cho Công ty Đ (do ông U là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ). Mặt khác, sau khi nhận được số tiền vay 5.000.000.000 đồng, Công ty cổ phần X ủy nhiệm chi và giao tiền mặt trực tiếp cho ai thì đó là một giao dịch khác, không loại trừ đi nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty B. Hơn nữa, ông Á và ông U hoặc Công ty Đ đều có số tài khoản riêng thì không có lý do gì để mượn số tài khoản của Công ty cổ phần X nhờ chuyển tiền giùm. Ngoài ra, theo bị đơn cho rằng ông Á và ông U hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công F thành phố Đà Nẵng, nên yêu cầu tạm đình chỉ để đưa ông Á, ông U và bà Triệu Thị Mỹ G cùng Công ty Đ vào tham gia tố tụng giải quyết chung vụ án là không cần thiết. Nếu sau này có chứng cứ chứng minh ông Á, ông U cùng Công ty Đ có nhận toàn bộ số tiền trên thông qua một giao dịch nào đó hoặc bà Trang không giao số tiền 500.000.000 đồng cho ông Á thì có quyền khởi kiện những người này thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bị đơn đề nghị triệu tập bà Huỳnh Cẩm O để làm rõ việc thực hiện hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/2020 ngày 19/4/2020 như thế nào, các bên có thực hiện không thì thấy rằng yêu cầu này không có liên quan gì đến hợp đồng vay tiền giữa Công ty cổ phần X với Công ty B, nên yêu cầu này không được HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Ngân hàng S chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần X là thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 05. Tuy nhiên, sau đó lại cho rằng ông M biết được ông Á mượn số tài khoản để chuyển tiền, nên ông Á kêu ông M làm ủy nhiệm chi cho Công ty Đ và ông M đã ủy nhiệm chi 02 lần số tiền 4.500.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000.000 đồng thì ông Á nhận tiền mặt. Vì vậy, lời trình bày này có mâu thuẫn và thể hiện không có việc thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 05, cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Á kêu ông M ủy nhiệm chi cho Công ty Đ. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích tại mục [4], [5] và [6] như đã nêu trên, thấy rằng kháng

cáo của bị đơn về việc sửa, hủy án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ). Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án đối với số tiền do Công ty cổ phần X có nghĩa vụ trả cho Công ty B, nên HĐXX bổ sung cho đầy đủ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật TTDS để hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ) là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng, của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ). Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B. Buộc bị đơn Công ty cổ phần X trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B tổng số tiền vốn và tiền lãi là 7.855.263.888 đồng (Bảy tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó, tiền vốn là 5.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2.855.263.888 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 12,1%/năm.

2.2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng là Công ty cổ phần đầu tư K. Buộc nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, có tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng là Công ty cổ phần đầu tư K tổng số tiền vốn và tiền lãi là 2.693.657.942 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó, số tiền vốn vay 1.020.120.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 189.140.549 đồng; lãi quá hạn là 1.484.397.393 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ trong hạn và quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty cổ phần X phải chịu số tiền là 115.855.264 đồng (Một trăm mười lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B phải chịu số tiền là 85.873.159 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi chín đồng). Do Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B đã nộp số tiền tạm ứng án phí 57.407.500 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng) nên Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng B còn phải nộp thêm số tiền 28.465.659 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.681.294 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi một nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng) theo Biên lai thu số 0008654 ngày 09/12/2024, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cần Thơ).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0000323 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cần Thơ). Như vậy, bị đơn Công ty cổ phần X thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 5 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn